

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 13 - 6 - 2024
V/v tranh chấp chia tài sản sau
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trường Thọ

Ông Lê Nguyên Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Ni – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Ngọc Bích –
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2024/TLPT - HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm
2024 về “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 07/2023/HNGĐ-ST ngày 02
tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm: 12/2024/QĐ-PT ngày 04
tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp G, xã T,
huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm
1992; nơi cư trú: Số A, quốc lộ F, ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)
(Theo văn bản ủy quyền ngày 05/2/2024).

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Bích N, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Quỳnh N1, sinh năm 1998. (Có mặt)

2. Chị Nguyễn Như Ý, sinh năm 2005. (Có mặt)

Cùng cư trú: ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Do có kháng cáo của: Ông Nguyễn Văn H – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 04/5/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Văn H trình bày:

Ông và bà N được Tòa án nhân dân huyện ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 170/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/11/2021, về con chung giao hai con chung Nguyễn Như Ý và Nguyễn Huỳnh Như N2 cho bà N nuôi, ông H cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung ông và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do không thỏa thuận được về tài sản chung nên ông khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là phần đất thửa 550, tờ bản đồ số 8, diện tích 2.031,2m², tọa lạc tại ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 21/9/2018, hiện bà N đang quản lý, sử dụng.

Trên phần đất có:

- + 01 căn nhà trọ qua đêm 04 phòng.
- + 01 nền nhà (trống)
- + 01 căn nhà cấp 4 (nhà thờ)
- + 01 căn nhà trọ tháng 08 phòng.

Nay ông yêu cầu được hưởng căn nhà trọ qua đêm và 01 nền nhà (trống) giáp với nhà trọ qua đêm thuộc tách thửa 550-2, diện tích 381,7m², bà N được hưởng toàn bộ căn nhà (nhà thờ), căn nhà trọ 08 phòng và phần đất còn lại. Bà N được hưởng giá trị nhiều hơn thì ông không yêu cầu bà N bồi hoàn giá trị chênh lệch và ngược lại phần đất ông được hưởng có giá trị nhiều hơn thì ông cũng không phải hoàn lại giá trị chênh lệch cho bà N.

** Tại bản tự khai ngày 06/7/2022 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn **Huỳnh Thị Bích N** trình bày:*

Theo yêu cầu của ông **H** thì bà không đồng ý, bà yêu cầu được hưởng toàn bộ phần đất phía trước gồm nhà cấp 4 (nhà thờ), nhà trọ qua đêm 04 phòng, để ông **H** được hưởng nền nhà (trồng), phần phía sau nhà trọ 08 phòng và phần đất trồng mỗi người $\frac{1}{2}$. Bà được hưởng có giá trị nhiều hơn thì bà không phải hoàn lại giá trị chênh lệch cho ông **H** và ngược lại phần đất bà được hưởng giá trị ít hơn thì bà không yêu cầu ông **H** phải hoàn lại giá trị chênh lệch cho ông.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/01/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Quỳnh N1** và **Nguyễn Như Ý** trình bày:* các chị là con của ông **Nguyễn Văn H** và bà **Huỳnh Thị Bích N**. Hiện đang sống chung với bà **N**. Trong quá trình cha mẹ chung sống và sau khi ly hôn thì các chị không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung của cha mẹ. Các chị cũng không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án.

**Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 07/2024/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định như sau:*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều Điều 33, Điều 59, Điều 62, Điều 63 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn H**.

Giao ông **Nguyễn Văn H** được quản lý sử dụng phần đất thuộc tách 550-1, diện tích $1.649,5m^2$, thuộc thửa đất 550, tờ bản đồ số 8, diện tích $2.031,2m^2$, phần đất tọa lạc **ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long**. Trên đất có 01 (một) nhà cấp 4 (nhà thờ); 01 (một) nhà trọ cho thuê tháng 08 (tám) phòng và toàn bộ cây trồng trên đất. Mục đích sử dụng đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu năm.

Thuộc phạm vi các mốc: 1, 2, 3, 4,5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 44, 43, 42, 41, 47, 46, 45, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 1. Trên đất có dãy nhà trọ diện tích $176,1m^2$, căn nhà kiên cố diện tích $175,0m^2$.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông H giao nhà cấp 4 (nhà thờ) cho các con của ông H tiếp tục ở lại, quản lý và sử dụng.

Giao bà Huỳnh Thị Bích N được quản lý sử dụng phần đất thuộc tách 550-2, diện tích 381,7m², có 01 căn nhà trọ qua đêm 04 phòng thuộc thửa đất 550, tờ bản đồ số 8, diện tích 2.031,2m² tọa lạc ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Mục đích sử dụng đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu năm.

Thuộc phạm vi các mốc: 44, 16, 17, 18, 45, 44. Trên đất có dãy nhà trọ diện tích 176,2m².

Kèm theo trích đo của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T ngày 15/8/2023.

Thời gian lưu cư: bà Nguyễn Thị Bích N3 được thời gian lưu cư 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Hết thời gian này bị đơn Nguyễn Thị Bích N3 có nghĩa vụ giao lại toàn bộ căn nhà (nhà thờ) thuộc tách 550-1, diện tích 1.649,5m² lại cho ông Nguyễn Văn H.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng; về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 05/02/2024 nguyên đơn Nguyễn Văn H kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu được nhận thửa 550-2, diện tích 381,7m², có gắn 01 căn nhà trọ qua đêm 04 phòng; giao cho bà N3 thửa 550-1, diện tích 1.649,5m², có gắn 01 nhà cấp 4 (nhà thờ); 01 nhà trọ cho thuê tháng 08 phòng và toàn bộ cây trồng trên đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Hoàng V bị đơn bà Huỳnh Thị Bích N người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Quỳnh N1, chị Nguyễn Như Ý tự nguyện thỏa thuận:

Giao ông Nguyễn Văn H được quản lý sử dụng phần đất thuộc tách 550-1, diện tích 1.649,5m², thuộc thửa đất 550, tờ bản đồ số 8, diện tích 2.031,2m², phần đất tọa lạc ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Trên đất có 01 (một) nhà cấp 4 (nhà thờ); 01 (một) nhà trọ cho thuê tháng 08 (tám) phòng và toàn bộ cây trồng trên đất. Mục đích sử dụng đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu năm.

Giao bà Huỳnh Thị Bích N được quản lý sử dụng phần đất thuộc tách 550-2, diện tích 381,7m², có 01 căn nhà trọ qua đêm 04 phòng thuộc thửa đất 550, tờ bản đồ số 8, diện tích 2.031,2m² tọa lạc ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Mục đích sử dụng đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu năm.

Chị **Nguyễn Quỳnh N1**, chị Nguyễn Như Ý giao 01 (một) nhà cấp 4 (nhà thờ) trên đất thuộc tách thửa 550-1 cho ông **Nguyễn Văn H**.

Bà **Huỳnh Thị Bích N**, chị **Nguyễn Quỳnh N1**, chị Nguyễn Như Ý được lưu cư trong thời gian 06 tháng tính kể từ ngày 13/6/2024 đến hết thời gian này bà **Bích N**, chị **Quỳnh N1**, chị Như Ý có nghĩa vụ giao lại toàn bộ thửa 550-1 và các tài sản gắn trên đất cho ông **H** quản lý, sử dụng.

Vị Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến về tính có căn cứ và hợp pháp việc kháng cáo của ông **H**; về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phần bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo và đề nghị: Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Giao ông **Nguyễn Văn H** được quản lý, sử dụng thửa 550-1, diện tích 1.649,5m², loại đất ONT+CLN (trong đó có 100m² đất ONT và 1.549,5m² đất CLN), tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc **ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long**. Trên đất có gắn 01 (một) nhà cấp 4 (nhà thờ); 01 (một) nhà trọ cho thuê tháng 08 (tám) phòng và toàn bộ cây trồng trên đất.

Giao bà **Huỳnh Thị Bích N** được quản lý, sử dụng thửa 550-2, diện tích 381,7m², loại đất ONT+CLN (trong đó có 100m² đất ONT và 281,7m² đất CLN), tờ bản đồ số 8, tọa lạc **ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long** có gắn 01 căn nhà trọ qua đêm 04 phòng.

Thời gian lưu cư: Bà **Nguyễn Thị Bích N3**, chị **Nguyễn Quỳnh N1**, chị Nguyễn Như Ý được lưu cư 06 (Sáu) tháng tính kể từ hôm nay (13/6/2024). Hết thời gian này bà **Bích N3**, chị **Quỳnh N1**, chị Như Ý có nghĩa vụ giao lại toàn bộ thửa 550-1 và các tài sản gắn trên đất cho ông **H** quản lý, sử dụng.

Ông **Nguyễn Văn H** không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 05/02/2024 ông **H** kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định. Nên đơn kháng cáo của ông **H** được xem xét theo thủ tục phúc thẩm được quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau nên công nhận:

Giao ông **Nguyễn Văn H** được quản lý sử dụng phần đất thuộc tách 550-1, diện tích 1.649,5m², thuộc thửa đất 550, tờ bản đồ số 8, diện tích 2.031,2m², phần đất tọa lạc **ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long**. Trên đất có 01 (một) nhà cấp 4 (nhà thờ); 01 (một) nhà trọ cho thuê tháng 08 (tám) phòng và toàn bộ cây trồng trên đất. Mục đích sử dụng đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu năm.

Giao bà **Huỳnh Thị Bích N** được quản lý sử dụng phần đất thuộc tách 550-2, diện tích 381,7m², có 01 căn nhà trọ qua đêm 04 phòng thuộc thửa đất 550, tờ bản đồ số 8, diện tích 2.031,2m² tọa lạc **ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long**. Mục đích sử dụng đất ở nông thôn + đất trồng cây lâu năm.

(Kèm theo Kết quả đo đạc hiện trạng khu đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T ngày 15/8/2023).

Các bên có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan cơ thẩm quyền thực hiện việc đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Chị **Nguyễn Quỳnh N1**, chị Nguyễn Như Ý giao 01 (một) nhà cấp 4 (nhà thờ) trên đất thuộc tách thửa 550-1 cho ông **Nguyễn Văn H**.

Bà **Huỳnh Thị Bích N**, chị **Nguyễn Quỳnh N1**, chị Nguyễn Như Ý được lưu cư trong thời gian 06 tháng tính kể từ ngày 13/6/2024 đến hết thời gian này bà **Bích N**, chị **Quỳnh N1**, chị Như Ý có nghĩa vụ giao lại toàn bộ thửa 550-1 và các tài sản gắn trên đất cho ông **H** quản lý, sử dụng.

[3] Về án phí phúc thẩm: Ông **H** không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng; về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sửa bản án sơ thẩm số: 07/2024/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện , tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 33, 59, 62, 63 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự:

1.1 Giao ông **Nguyễn Văn H** được quản lý, sử dụng thửa 550-1, diện tích 1.649,5m², loại đất ONT+CLN (trong đó có 100m² đất ONT và 1.549,5m² đất CLN), tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc **ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long**. Trên đất có gắn 01 (một) nhà cấp 4 (nhà thờ); 01 (một) nhà trọ cho thuê tháng 08 (tám) phòng và toàn bộ cây trồng trên đất.

Chị **Nguyễn Quỳnh N1**, chị Nguyễn Như Ý có nghĩa vụ bàn giao 01 căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất thuộc tách thửa 550-1 cho ông **H**.

1.2 Giao bà **Huỳnh Thị Bích N** được quản lý, sử dụng thửa 550-2, diện tích 381,7m², loại đất ONT+CLN (trong đó có 100m² đất ONT và 281,7m² đất CLN), tờ bản đồ số 8, tọa lạc **ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long** có gắn 01 căn nhà trọ qua đêm 04 phòng.

*(Kèm theo Kết quả đo đạc hiện trạng khu đất của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện T** ngày 15/8/2023).*

Các bên có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan cơ thẩm quyền thực hiện việc đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

1.3 Thời gian lưu cư: Bà **Nguyễn Thị Bích N3**, chị **Nguyễn Quỳnh N1**, chị Nguyễn Như Ý được thời gian lưu cư 06 (Sáu) tháng tính từ ngày 13/6/2024 đến hết thời gian lưu cư bà **Nguyễn Thị Bích N3**, chị **Nguyễn Quỳnh N1**, chị Nguyễn Như Ý có nghĩa vụ giao lại toàn bộ thửa 550-1 và các tài sản gắn trên đất cho ông **H** quản lý, sử dụng.

2. Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả ông **Nguyễn Văn H** 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng theo biên lai số 0011062 ngày 05/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện , tỉnh Vĩnh Long.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng; về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- TNV: 01;
- TAND H.T 01;
- Chi cục H.T; 01;
- Đ/s: 04;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tư